

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp tại Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điều 1 Quyết định này làm cơ sở để xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2025

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VXNV, TH, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**